

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 07/3/2019

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: Ông La Minh Tường

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Châu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Vũ Thị Liên Hoa tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Vương Đình H Nguyên đối với bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2019/QĐ-PT ngày 12/02/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 1, kiệt 35, đường Nguyễn T, phường D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

- Bị đơn: Ông Vương Đình N, sinh năm 1973.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 1, kiệt 35, đường Nguyễn T, phường D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Nơi cư trú: Số 55 đường T, phường B, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Nhật N- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: 52 đường T, thành phố H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn Bà Dương Thị D trình bày:* Bà và ông Vương Đình N tự nguyện đăng ký kết hôn vào 12/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, bà D và ông N sinh sống tại nhà bố mẹ của bà D ở phường Thủy D, thị xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông N không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà D và ông N đã sống ly thân hơn 01 năm nay, bà D đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được, thấy tình cảm hai bên không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà D và ông N có 01 người con chung tên Vương Hoàng Bảo T, sinh ngày 02/11/2012. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành.

Về chia tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Vương Đình N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông N trình bày thống nhất như bà D về việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng cách đây khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong quá trình chung sống bà D không quan tâm gì tới ông N cũng như gia đình ông N, vợ chồng bất đồng trong việc lựa chọn nơi sinh sống nên ông N về nhà bố mẹ để sống còn bà D sống tại nhà bố mẹ của bà D. Trong thời gian này ông N có quen biết với người phụ nữ khác nhưng hiện nay không còn. Thấy tình cảm giữa ông và bà D không còn, hai bên cũng sống ly thân hơn 01 năm nên bà D yêu cầu ly hôn, ông N cũng đồng ý.

Về con chung: Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vương Hoàng Bảo T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông N không đồng ý giao con cho bà D nuôi vì hiện nay ông đang bị bệnh “Tắc ống dẫn tinh”, khó sinh con và ông có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Về chia tài sản chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông N có đủ các yếu tố để nuôi con, có nơi cư trú ổn định, có công việc và thu nhập ổn định, ông N đang làm việc tại Bệnh viện nên rất hiểu tâm sinh lý của cháu T, ông

N đang bị chứng bệnh “ Tắc ống dẫn tinh”, khó có con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông N.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 23/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Dương Thị D và ông Vương Đình N.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của Bà Dương Thị D, giao cháu Vương Hoàng Bảo T, sinh ngày 02/11/2012 cho Bà Dương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu T hiện nay đang ở với bà D.

Ông Vương Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vương Hoàng Bảo T 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Vương Đình H Nguyên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Bà Dương Thị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Vương Đình H Nguyên không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nói trên thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chia tài sản chung và phân chia nghĩa vụ trả nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc Bà Dương Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000502 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Bà D đã nộp đủ.

Ông Vương Đình H Nguyên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/11/2018, ông Vương Đình N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, giải quyết: Giao cháu Vương Hoàng Bảo T, sinh ngày 02/11/2012 cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành theo quy định của pháp luật, không có sai phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con chung của ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do vợ chồng không thỏa thuận với nhau về việc nuôi con sau khi ly hôn, theo quy định của pháp luật, khi giải quyết cho ly hôn việc giao con chung cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần bảo đảm việc học hành của cháu T.

Xét về nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con của ông N và bà D, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng xin nuôi con của hai người là chính đáng, mỗi người có một cách nuôi dạy con khác nhau và đều mong muốn con mình phát triển tốt. Cả hai người đều có điều kiện kinh tế để nuôi dạy cháu. Tuy nhiên, trong quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, cháu Vương Hoàng Bảo T sống với bà D vẫn phát triển bình thường, việc nuôi dưỡng cháu T của bà D vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cũng như về điều kiện ăn ở đảm bảo cho cháu T phát triển sau này. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay bản thân bà D vẫn tha thiết đề nghị Tòa án chấp nhận để bà được trực tiếp nuôi con. Về giới tính: Cháu T là con gái, hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nhiều hơn, phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý sau này của cháu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cháu T cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N được. Ông N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng nếu bà D nuôi con không tốt, cháu T có nguyện vọng muốn được ở với ông N thì ông N có quyền xin thay đổi nuôi con.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Đình N phải chịu 300.000 đồng. Ông N đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005209 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp kháng cáo của ông Vương Đình H Nguyên, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung: Giao cháu Vương Hoàng Bảo T, sinh ngày 02/11/2012 cho Bà Dương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu T hiện nay đang ở với bà D.

Ông Vương Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vương Hoàng Bảo T 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Vương Đình H Nguyên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Bà Dương Thị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Vương Đình N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nói trên thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Đình N phải chịu 300.000 đồng. Ông N đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005209 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND TX. Hương Thủy;
- Chi cục THADS TX. Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa DS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hưng Bính